

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN  
AN PHÁT – YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----\*\*\*-----

Số: 032017/CV-ANPHATYB

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận

Yên Bái, ngày 24 tháng 10 năm 2017

**Kính gửi:**

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (Tên đối ngoại là AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHATYENBAIM&P., JSC) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 lần thứ 06 ngày 18 tháng 10 năm 2016.

Chúng tôi xin giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên báo cáo Công ty mẹ so với cùng kỳ năm trước cụ thể như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2017 tăng 178% so với cùng kỳ năm 2016 là do: Công ty đã nhận được nhiều đơn hàng và doanh thu đã tăng mạnh, đây cũng là nguyên nhân chính làm tăng lợi nhuận sau thuế kỳ này so với kỳ trước. Chúng tôi cam đoan những thông tin trong Công văn này là đầy đủ, chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN  
AN PHÁT - YÊN BÁI**



GIÁM ĐỐC

*Vũ Thanh Bình*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>175,344,007,092</b>	<b>244,146,298,643</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>40,598,248,509</b>	<b>135,245,944,019</b>
1.	Tiền	111		6,946,850,723	1,745,944,019
2.	Các khoản tương đương tiền	112		33,651,397,786	133,500,000,000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121			
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65,369,282,966</b>	<b>69,642,407,187</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		39,420,306,621	21,865,997,602
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24,449,919,095	37,206,708,850
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6.	Các khoản phải thu khác	136	<b>5.2</b>	1,499,057,250	10,801,279,850
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(231,579,115)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>39,698,629,076</b>	<b>32,769,273,749</b>
1.	Hàng tồn kho	141	<b>5.3</b>	39,698,629,076	32,769,273,749
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29,677,846,541</b>	<b>6,488,673,688</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		551,253,515	8,656,794
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29,126,593,026	6,480,016,894
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>341,818,164,240</b>	<b>123,905,981,591</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>108,095,784,387</b>	<b>117,014,801,502</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN**  
**AN PHÁT - YÊN BÁI**  
 Khu CN phía Nam - Xã Văn Tiến- TP Yên Bái- Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III năm 2017

Mẫu số :Q-01d

1.	Tài sản cố định hữu hình	221	<b>5.4</b>	94,122,935,024	102,798,171,731
	<i>Nguyên giá</i>	222		126,377,778,844	125,704,778,844
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(32,254,843,820)	(22,906,607,113)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	<b>5.5</b>	13,972,849,363	14,216,629,771
	<i>Nguyên giá</i>	228		15,926,986,836	15,926,986,836
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,954,137,473)	(1,710,357,065)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>130,777,162,446</b>	<b>6,645,000,000</b>
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241			
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		130,777,162,446	6,645,000,000
<b>V.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>102,000,000,000</b>	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251	<b>5.6</b>	102,000,000,000	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>945,217,407</b>	<b>246,180,089</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		945,217,407	246,180,089
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>517,162,171,332</b>	<b>368,052,280,234</b>
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>333,615,143,075</b>	<b>250,327,823,184</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>182,915,543,075</b>	<b>95,325,173,184</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311		42,212,633,084	8,389,248,322
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,017,155,860	1,860,202,962
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		3,681,934,342	472,286,952
4	Phải trả người lao động	314		789,132,392	601,003,096
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315			2,080,000,000
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	<b>5.7</b>	1,401,439,075	461,057,300
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	<b>5.8</b>	132,811,184,121	81,457,206,927
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			-
12	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2,064,201	4,167,625
13	Quỹ bình ổn giá	323			
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>150,699,600,000</b>	<b>155,002,650,000</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN**  
**AN PHÁT - YÊN BÁI**  
 Khu CN phía Nam - Xã Văn Tiến- TP Yên Bái- Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Quý III năm 2017

Mẫu số : Q-01d


4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	<b>5.9</b>	150,699,600,000	155,002,650,000
9	Trái phiếu chuyển đổi	339			
10	Cổ phiếu ưu đãi	340			
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>B -</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>183,547,028,257</b>	<b>117,724,457,050</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.10</b>	<b>183,547,028,257</b>	<b>117,724,457,050</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		136,000,000,000	86,000,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136,000,000,000	86,000,000,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(15,000,000)	-
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		4,966,024,312	4,387,924,619
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1,564,926,542	1,564,926,542
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41,031,077,403	25,771,605,889
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24,037,306,810	14,209,612,027
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16,993,770,593	11,561,993,862
12	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1	Nguồn kinh phí	432		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>517,162,171,332</b>	<b>368,052,280,234</b>

YB, ngày 24 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Thu Nhàn

Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Thu Nhàn

  
 Giám đốc  
  
 Vũ Thanh Bình

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III Năm 2017

Đơn vị tính: VND

SỐ TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2016
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		46,743,995,791	12,153,915,136
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		9,592,017,115	8,986,446,543
-	Các khoản dự phòng	03		-	69,473,734
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		186,982,274	27,533,522
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,699,418,588)	156,363,899
-	Chi phí lãi vay	06		3,795,887,526	2,450,418,153
-	Các khoản điều chỉnh khác	07			
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		57,619,464,118	23,844,150,987
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(27,392,832,049)	(37,931,973,659)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6,929,355,327)	8,409,128,247
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		24,619,650,218	24,824,975,560
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,241,634,039)	(169,164,586)
-	Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13			
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(3,795,887,526)	(2,450,418,153)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6,158,533,768)	(1,337,087,086)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		9,250,959,253	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,158,302,810)	(650,890,028)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		44,813,528,070	14,538,721,282
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(117,386,882,232)	(58,802,438,000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	18,071,060,000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(102,000,000,000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,699,418,588	1,019,957,698
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(216,687,463,644)	(39,711,420,302)
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN**  
**AN PHÁT - YÊN BÁI**  
 Khu CN phía Nam - Xã Văn Tiến- TP Yên Bái- Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

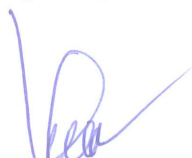
Quý III năm 2017

Mẫu số : Q-03d


1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	50,000,000,000	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	294,099,220,762	123,634,566,166
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(247,243,293,568)	(146,122,635,733)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19,635,690,000)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>77,220,237,194</b>	<b>(22,488,069,567)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(94,653,698,380)</b>	<b>(47,660,768,587)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>135,245,944,019</b>	<b>52,809,797,450</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6,002,870	3,394,445
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>40,598,248,509</b>	<b>5,152,423,308</b>

Yên Bái ngày 24 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Chu Nhân

Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Chu Nhân

  
 Giám đốc  
 Vũ Thanh Bình

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Quý III năm 2017**

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2017	Quý III/2016	Lũy kế từ đầu năm 2017 đến cuối quý III/2017	Lũy kế từ đầu năm 2016 đến cuối quý III/2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	150 994 874 736	51 850 478 823	484 582 166 188	137 270 307 481
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		80 181 818		136 944 054	119 790 440
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		150 914 692 918	51 850 478 823	484 445 222 134	137 150 517 041
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	122 705 560 913	37 925 279 613	410 868 504 644	108 100 327 193
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28 209 132 005	13 925 199 210	73 576 717 490	29 050 189 848
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	931 788 401	438 355 782	3 391 440 139	1 207 540 947
7.	Chi phí tài chính	22	6.4	1 614 008 971	690 776 426	4 980 053 553	2 738 687 169
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		1 288 215 530	603 323 060	3 795 887 526	2 450 418 153
8.	Chi phí bán hàng	24		6 669 540 281	5 496 186 365	19 132 343 485	9 874 074 992
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2 575 978 493	1 579 796 107	6 118 900 555	4 324 760 876
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18 281 392 661	6 596 796 094	46 736 860 036	13 320 207 758
11.	Thu nhập khác	31		5 841 638	839 579	11 303 666	16 206 643
12.	Chi phí khác	32		4 167 911	-	4 167 911	1 182 499 265
13.	Lợi nhuận khác	40		1 673 727	839 579	7 135 755	(1 166 292 622)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18 283 066 388	6 597 635 673	46 743 995 791	12 153 915 136
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3 656 772 817	1 330 217 335	9 350 225 198	2 448 121 828
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14 626 293 571	5 267 418 338	37 393 770 593	9 705 793 308
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Chúc Nhân*

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Chúc Nhân*



GIÁM ĐỐC

---

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT- YÊN BÁI BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017**

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 10 năm 2016

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT – YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHATYEN BAIM&P., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu CN phía Nam - xã Văn Tiến – TP Yên Bái- Tỉnh Yên Bái.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

Khai thác đá, dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE); dịch vụ liên quan đến in, bán lẻ xi măng, gạch xây, vật liệu xây dựng khác; thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung



### **3.ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Công ty áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

### **4.CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”

### **Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập của doanh nghiệp là 20%

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TỐAN

### 5.1 TIỀN

	30/9/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	18,554,368	4,591,623
Tiền gửi ngân hàng	6,928,296,355	1,741,352,396
Các khoản tương đương tiền	33,651,397,786	133,500,000,000
<b>Cộng</b>	<b>40,598,248,509</b>	<b>135,245,944,019</b>

### 5.2 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/9/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	1,499,057,250	708,396,154
Lãi phải thu từ ngân hàng	-	841,924,443
Phải thu tiền hoàn thuế GTGT	-	9,250,959,253
Phải thu khác	-	6,309,792
<b>Cộng</b>	<b>1,499,057,250</b>	<b>10,807,589,642</b>

### 5.3 HÀNG TỒN KHO

	30/9/2017	1/1/2017
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	23,927,959,839	26,759,812,518
Công cụ, dụng cụ	3,983,230,668	1,023,688,787
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	11,787,438,569	4,985,772,444
Hàng hóa	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>39,698,629,076</b>	<b>32,769,273,749</b>

**5.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc, cho sản phẩm	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2017	38,243,388,869	79,516,541,580	4,701,510,758	1,341,337,637	1,902,000,000	-	125,704,778,844
Mua trong kỳ		588,000,000				85,000,000	673,000,000
Đầu tư XDCB hoàn thành							
Tặng khác							
Thanh lý, nhượng bán							
Giảm khác							
Số dư tại ngày 30/09/2017	38,243,388,869	80,104,541,580	4,701,510,758	1,341,337,637	1,902,000,000	85,000,000	126,377,778,844
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2017	8,616,181,061	11,564,072,912	2,113,943,379	233,063,505	379,346,256	-	22,906,607,113
Khấu hao trong kỳ	1,211,473,543	7,434,701,901	504,390,771	131,679,522	47,418,282	18,572,688	9,348,236,707
Tặng khác							
Thanh lý, nhượng bán							
Giảm khác							
Số dư tại ngày 30/09/2017	9,827,654,604	18,998,774,813	2,618,334,150	364,743,027	426,764,538	18,572,688	32,254,843,820
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 01/01/2017	29,627,207,808	67,952,468,668	2,587,567,379	1,108,274,132	1,522,653,744	-	102,798,171,731
Tại ngày 30/09/2017	28,415,734,265	61,105,766,767	2,083,176,608	976,594,610	1,475,235,462	66,427,312	94,122,935,024

**5.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2017	15,926,986,836	-	-	-	-	15,926,986,836
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2017	15,926,986,836	-	-	-	-	15,926,986,836
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2017	1,710,357,065	-	-	0	-	1,710,357,065
Khấu hao trong kỳ	243,780,408	-	-	0	-	243,780,408
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2017	1,954,137,473	-	-	-	-	1,954,137,473
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2017	14,216,629,771	-	-	-	-	14,216,629,771
Số dư tại ngày 30/09/2017	13,972,849,363	-	-	-	-	13,972,849,363

### 5.5 ĐẦU TƯ VÀO CTY CON

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Cty CP sản xuất tổng hợp An Thành	Hải Dương	76.12%	Kinh doanh vật tư, nguyên liệu
2.	Cty CP liên vận An Tín	Hải Dương	56.04%	sản phẩm nhựa, bao bì nhựa Kinh doanh vận tải

### 5.6 PHẢI TRẢ PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	111,928,760	68,503,620
Bảo hiểm xã hội	2,446,715	7,019,798
Bảo hiểm y tế	675,028	2,566,177
Bảo hiểm thất nghiệp	2,580,327	554,233
Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	-	25,159,038
Cổ tức phải trả	904,785,000	-
Phải trả, phải nộp khác	379,023,245	357,254,434
<b>Cộng</b>	<b>1,401,439,075</b>	<b>461,057,300</b>

### 5.7 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/9/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương (i)	47,003,048,344	56,730,579,472
Ngân hàng Viettinbank-CN Hải Dương	85,808,135,777	24,726,627,455
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>132,811,184,121</b>	<b>81,457,206,927</b>

### 5.8 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/9/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Viettinbank-CN Hải Dương	21,739,600,000	26,237,650,000
Vay khác	-	-
Trái phiếu phát hành	128,960,000,000	128,765,000,000
<b>Cộng</b>	<b>150,699,600,000</b>	<b>155,002,650,000</b>

**5.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 1/1/2016	86,000,000,000	-	4,064,590,888	-	14,856,279,489	106,485,796,919
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	11,561,993,862	11,561,993,862
Phân phối lợi nhuận	-	-	323,333,731	-	(646,667,462)	(323,333,731)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
Chi tiền quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>86,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>4,387,924,619</b>	<b>-</b>	<b>25,771,605,889</b>	<b>117,724,457,050</b>
Tăng vốn trong kỳ	50,000,000,000	-	-	-	-	50,000,000,000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	37,393,770,593	37,393,770,593
Phân phối lợi nhuận	-	-	578,099,693	-	(22,134,299,079)	(21,556,199,386)
Chi trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chi tiền quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(15,000,000)	-	-	-	(15,000,000)
<b>Số dư tại 30/09/2017</b>	<b>136,000,000,000</b>	<b>-15,000,000</b>	<b>4,966,024,312</b>	<b>1,564,926,542</b>	<b>41,031,077,403</b>	<b>183,547,028,257</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT- YÊN BÁI**

Khu CN Phía Nam- Xã Văn Tiến  
TP Yên Bái – Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ 3 NĂM 2017**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 07 năm 2017  
đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

**6. THÔNG TIN BỔ DUNG TRÊN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 3 năm 2017	Quý 3 năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 3 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 3 năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	69,776,018,929	5,256,472,113	265,014,737,971	18,628,267,745
Doanh thu bán các thành phẩm	81,218,855,807	46,594,006,710	219,567,428,217	118,642,039,736
<b>Cộng</b>	<b>150,994,874,736</b>	<b>51,850,478,823</b>	<b>484,582,166,188</b>	<b>137,270,307,481</b>

**6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý 3 năm 2017	Quý 3 năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 3 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 3 năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	69,564,683,053	5,330,592,781	262,143,978,019	17,396,136,534
Giá vốn của thành phẩm	53,140,877,860	32,594,686,832	148,724,526,625	90,704,190,659
<b>Cộng</b>	<b>122,705,560,913</b>	<b>37,925,279,613</b>	<b>410,868,504,644</b>	<b>108,100,327,193</b>

### 6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3 năm 2017	Quý 3 năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 3 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 3 năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	466,917,034	389,031,193	2,751,688,891	1,019,957,698
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	464,871,367	49,324,589	639,751,248	187,583,249
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	0	0	0
Doanh thu hoạt động tài chính khác				
<b>Cộng</b>	<b>931,788,401</b>	<b>438,355,782</b>	<b>3,391,440,139</b>	<b>1,207,540,947</b>

### 6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 3 năm 2017	Quý 3 năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 3 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 3 năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	1,288,215,530	603,323,060	3,795,887,526	2,450,418,153
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	325,793,441	87,453,366	997,183,753	260,735,494
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	186,982,274	27,533,522
<b>Cộng</b>	<b>1,614,008,971</b>	<b>690,776,426</b>	<b>4,980,053,553</b>	<b>2,738,687,169</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT- YÊN BÁI**  
Khu CN Phía Nam- Xã Văn Tiến  
TP Yên Bái – Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ 3 NĂM 2017**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 07 năm 2017  
đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

**7. GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	9 tháng đầu năm 2017 VND	9 tháng đầu năm 2016 VND
<b>Doanh Thu bán hàng</b>	<b>144,401,497,497</b>	<b>35,807,243,346</b>
Cty cổ phần nhựa và MTX An Phát	80,661,216,514	35,807,243,346
Cty CP sản xuất tổng hợp An Thành	63,740,280,983.00	
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>217,445,464,935</b>	<b>39,059,109,199</b>
Cty cổ phần nhựa và MTX An Phát	197,497,578,152	39,059,109,199
Cty CP sản xuất tổng hợp An Thành	3,409,090,910.00	-
Cty CP liên vận An Tín	16,538,795,873	
	<b>30/09/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
<b>Phải thu của KH</b>	<b>10,836,028,496</b>	-
Cty cổ phần nhựa và MTX An Phát	8,021,719,415	
Cty CP sản xuất tổng hợp AN Thành	2,814,309,081.00	
<b>Phải trả cho người bán</b>	<b>11,547,868,777</b>	<b>5,315,168,082</b>
Cty cổ phần nhựa và MTX An Phát	9,734,999,766	5,315,168,082
Cty CP liên vận An Tín	1,812,869,011.00	
Cty CP sản xuất tổng hợp AN Thành	3,274,000,000	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Châu Nhân

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Châu Nhân



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Châu Nhân